

Bản án số:05/2026/KDTM-ST

Ngày 12.3.2026

(*V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa*).

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: Huynh Thị Lệ .

Ông Phạm Hồng Quang.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thái Trâm Anh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4, thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà Dương Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2025/TLST-KDTM ngày 04 tháng 11 năm 2025 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2026/QĐXXST-KDTM ngày 05 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2026/QĐST-KDTM ngày 07 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV & DV Tổng hợp P; địa chỉ: tổ 37, phường L, TP Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Đ – Chức vụ: Giám đốc. (*Có mặt*).

- Bị đơn: Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông T; Địa chỉ: 80 Phạm V, phường V, TP H. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thế A – Chức vụ: Giám đốc (*Có đơn xin vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện, tại Bản tự khai và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty TNHH MTV & DV Tổng hợp P đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Ngày 05/06/2024, hai bên có ký Hợp đồng nguyên tắc số 08/HĐNT/2024 về việc mua bán sắt thép giữa công ty chúng tôi và Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông T. Đến nay, hai đơn vị đã thực hiện mua bán như sau:

1. Số dư nợ đầu kỳ (01/07/2024): 0 đồng.

2. Số phát sinh nợ trong kỳ (Hóa đơn từ 04/07/2024 đến 02/12/2024): 1.832.876.810 đồng.

3. Số tiền đã thanh toán trong kỳ (từ 25/07/2024 đến 31/12/2024): 1.200.000.000 đồng.

4. Số tiền đã thanh toán trong kỳ (từ 01/01 đến 25/12/2025): 50.000.000 đồng.

5. Số lãi chậm thanh toán (tính từ 09/2024 đến 31/07/2025, có bảng kê chi tiết kèm theo): 44.865.987 đồng.

6. Số lãi chậm thanh toán (tính từ 01/08/2025 đến 25/12/2025, có bảng kê chi tiết kèm theo): 18.347.212 đồng.

7. Số lãi chậm thanh toán (tính từ 26/12/2025 đến 10/03/2026, có bảng kê chi tiết kèm theo): 12.455.998 đồng

8. Số dư nợ cuối kỳ (10/03/2026): **658,543,365 đ.**

Sau nhiều lần yêu cầu thanh toán số công nợ trên, nhưng Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông T có xác nhận công nợ nhưng vẫn chưa thanh toán. Điều này đồng nghĩa với việc trốn tránh trách nhiệm thanh toán, gây khó khăn rất nhiều cho đơn vị chúng tôi.

Đơn vị chúng tôi cam đoan bản tự khai này hoàn toàn sự thật, xin chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật. (lãi chỉ tính đến ngày 10/3/2026).

-Bị đơn : Ngày 13/11/2025 Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông T có văn bản trình bày:

Sau khi kiểm tra số liệu công nợ của khách hàng, chúng tôi xin xác nhận đến tại thời điểm hiện tại Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông T đang còn nợ Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ P số tiền gốc là: 582.876.809 đồng, cụ thể như sau:

1. Số dư nợ đầu kỳ (01/01/2025): 632.876.809 đồng

2. Số phát sinh nợ trong kỳ: 0 đồng

3. Số đã thanh toán trong kỳ (ngày 01/08/2025): 50.000.000 đồng

4. Số dư nợ cuối kỳ (13/11/2025): 582.876.809 đồng

Theo Thông báo số: 21/TB-TLVA ngày 04/11/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng thì số tiền Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ P yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc là: 630.072.963 đồng.

Số tiền nợ bị chênh lệch tăng là: 47.196.154 đồng.

Vậy, Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông T đề nghị Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ P kiểm tra lại công nợ để điều chỉnh cho đúng.

Trong thời gian qua, tình hình tài chính của đơn vị rất khó khăn do một số Chủ đầu tư, đối tác của đơn vị chưa thanh toán khối lượng thi công hoàn thành và do ảnh hưởng của việc sáp nhập địa giới hành chính, chuyển đổi chính quyền 2 cấp nên việc nghiệm thu thanh toán gặp nhiều trở ngại, chậm trễ. Hơn nữa do ảnh hưởng mưa lũ kéo dài đã làm hư hỏng, chậm tiến độ nên cũng ảnh hưởng đến việc nghiệm thu thanh toán. Hiện nay đơn vị chúng tôi đang tập trung khắc phục hậu quả các công trình để đưa vào nghiệm thu thanh toán nên hiện nay tình hình tài chính gặp rất nhiều khó khăn. Để duy trì sản xuất kinh doanh lúc khó khăn nên nghĩa vụ trả nợ cho khách hàng chưa thực hiện đúng cam kết. Từ những khó khăn nêu trên, đơn vị xây dựng kế hoạch, lộ trình trả nợ như sau:

- Từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/04/2026 thanh toán: 100.000.000 đồng;
- Từ ngày 01/05/2026 đến 31/05/2026 thanh toán: 100.000.000 đồng;
- Từ ngày 01/06/2026 đến 30/06/2026 thanh toán: 100.000.000 đồng;
- Từ ngày 01/07/2026 đến 31/07/2026 thanh toán: 150.000.000 đồng;
- Từ ngày 01/08/2026 đến 31/08/2026 thanh toán: 132.876.809 đồng.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Đà Nẵng phát biểu: Thẩm phán đã xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự; việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 Bộ luật Tố tụng dân sự; việc thụ lý, thời hạn giải quyết và việc tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng được thực hiện đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại các điều 195, 196 và 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70 và 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án tổng đạt hợp lệ theo quy định. Do đó, quyền và nghĩa vụ của bị đơn đã được thực hiện đầy đủ theo quy định tại các điều 70 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án buộc Bị đơn trả cho Nguyên đơn tổng số tiền là còn nợ là 658,543,365 đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Đơn khởi kiện của Công ty TNHH MTV & DV Tổng hợp P tại Tòa án là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho đương sự vắng mặt theo quy định tại Điều 208, 209, 210, 211 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Ngày 05/06/2024, hai bên có ký Hợp đồng nguyên tắc số 08/HĐNT/2024 về việc mua bán sắt thép giữa công ty chúng tôi và Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông T. Đến nay, hai đơn vị đã thực hiện mua bán như sau:

-Số phát sinh nợ trong kỳ (Hóa đơn từ 04/07/2024 đến 02/12/2024): 1.832.876.810 đồng

-Số tiền đã thanh toán trong kỳ (từ 25/07/2024 đến 31/12/2024): 1.200.000.000 đồng

-Số tiền đã thanh toán trong kỳ (từ 01/01 đến 25/12/2025): 50.000.000 đồng

-Số lãi chậm thanh toán (tính từ 09/2024 đến 31/07/2025, có bảng kê chi tiết kèm theo): 44.865.987 đồng

- Số lãi chậm thanh toán (tính từ 01/08/2025 đến 25/12/2025, có bảng kê chi tiết kèm theo): 18.347.212 đồng.

- Số lãi chậm thanh toán (tính từ 26/12/2025 đến 10/03/2026, có bảng kê chi tiết kèm theo): 12.455.998 đồng.

- Số dư nợ cuối kỳ (10/03/2026): còn nợ là 658,543,365 đ.

Do bên bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho nên Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án Buộc bị đơn như trên.

[2.2] Đối với Đại diện bị đơn thống nhất nhất trí với số tiền còn nợ là tính từ ngày 01/01/2025 dư nợ gốc còn 632.876.809 đồng, ngày 01/8/2025 trả 50.000.000đ còn 582.876.809đ, Bị đơn cho rằng Nguyên đơn xác nhận bị đơn còn nợ 630.072.154 là chênh lệch 47.196.154 đồng.

- Số tiền trên bị đơn xin trả như sau :

- Từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/04/2026 thanh toán: 100.000.000 đồng;
- Từ ngày 01/05/2026 đến 31/05/2026 thanh toán: 100.000.000 đồng;
- Từ ngày 01/06/2026 đến 30/06/2026 thanh toán: 100.000.000 đồng;
- Từ ngày 01/07/2026 đến 31/07/2026 thanh toán: 150.000.000 đồng;
- Từ ngày 01/08/2026 đến 31/08/2026 thanh toán: 132.876.809 đồng.

HĐXX xét thấy về số nợ trên về tiền nợ gốc ngày 01/01/2025 còn 632.876.809 đồng hai bên đã xác nhận nên HĐXX cần được chấp nhận.

Về phương án trả nợ thì Nguyên đơn không đồng ý với phương án trả nợ của bị đơn và yêu cầu trả luôn 01 lần; vì vậy HĐXX không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu trả dần của bị đơn

Riêng đối với số tiền lãi 47.196.154 đồng, tại phiên tòa nguyên đơn đã tính lại số tiền lãi từ (thời gian tính từ 09/2024 đến 10/3/2026): là tổng cộng 75,666,555 đ, do bị đơn không thanh toán cho nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo thỏa thuận tại Điều 03 của hợp đồng được ký kết Ngày 05/06/2024 theo lãi suất ngân hàng, căn cứ vào biên bản đối chiếu công nợ ngày 09/4/2024; căn cứ vào mức lãi suất quá hạn trung bình được thu thập tại 03 ngân hàng TMCP công thương, NH TMCP ngoại thương và Ngân hàng NN nghiệp PTNT Việt Nam; nên HĐXX chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn đối với bị đơn.

[3] Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu.

[4].Đối với lời đề nghị của VKS: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn; xét thấy phù hợp với nhận định của HĐXX nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Căn cứ vào: Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 703, 709, 713, 714 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 306 Luật Thương mại; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV & DV Tổng hợp P đối với Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông T.

Buộc Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông T. Trả cho Công ty TNHH MTV & DV Tổng hợp P trả số nợ còn lại tổng cộng dư nợ tính đến ngày 10/03/2026 còn nợ là còn nợ là 658,543.365 đ; trong đó (lãi chậm thanh toán 75,666,555 đ).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí KDTM sơ thẩm : Bị đơn Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông T phải chịu số tiền 30.341.735đ.(ba mươi triệu, ba trăm bốn mươi một ngàn, bảy trăm ba mươi lăm đồng).

Hoàn trả cho nguyên đơn Công ty TNHH MTV & DV Tổng hợp P số tiền 10.461.000đ đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự tp Đà Nẵng theo biên lai thu số 0004852 ngày 03/11/2025.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND Khu vực 4;
- Phòng THS Khu vực 4;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ HÂM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Đức Hoàng

